

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-PT

Ngày : 18-4-2019

V/v: “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Ông Ong Thân Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLPT- DS ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2019/QĐ-PT ngày 08/3/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa:

***Nguyên đơn:** Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C, giám đốc.

Nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y.

Đại diện theo pháp luật:

Ông Phạm Tiến V - Giám đốc.

Ông Hoàng Văn C - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ninh Ngọc T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: T1, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:**

- Chị Lê Thị M, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản K, xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho bà: C2, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản C3, xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1940 (Vắng mặt).

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Bản K, xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đoàn Văn H (tên khác Đoàn Văn H1), sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản K, xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1965. Địa chỉ: A, xã T2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- UBND xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Thẩm Việt H2, cán bộ địa chính xã C1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

- UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn Q, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

- UBND tỉnh Bắc Giang do ông Ngô Văn X1 - Phó Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y (Công ty) trình bày: Công ty được UBND tỉnh Bắc Giang giao quản lý sử dụng: 493,44 ha đất lâm nghiệp tại đội Lâm nghiệp U xã C1. Diện tích đất lâm nghiệp nói trên được công ty quản lý liên tục, hiệu quả từ những năm 1963 cho đến nay, nhưng tại lô a3 khoảng 10 đội U đang bị lấn chiếm trái phép. Lô a3 khoảng 10 diện tích 1,6ha công ty đã ký hợp đồng giao khoán cho hộ gia đình ông Đoàn Văn D (hộ khẩu thường trú tại bản K xã C1). Hợp đồng số 40/2009HĐ ngày 21/08/2008. Đến ngày 24/07/2015 ông Đoàn Văn D đã thanh lý hợp đồng với công ty và không ký tiếp hợp đồng vì lý do tuổi cao, sức khỏe yếu. Trước tình hình đó Công ty đã có thông báo bằng văn bản gửi cho hộ gia đình ông D trong đó nêu rõ: Diện tích đất lâm nghiệp trước đây giao khoán cho hộ gia đình ông D nay công ty để gây chồi và trồng xen canh cây mới. Ngày 25/11/2015 công ty đã lập Hồ sơ thiết kế rừng gây chồi và trồng xen canh cây mới. Diện tích đất nói trên mang ký hiệu lô đ2 khoảng 10, TK 3 diện tích thiết kế thực tế là 2,15ha. Khi cây chồi lên cao từ 50-60cm thì bị chặt phá (đặc biệt là trong dịp tết nguyên đán Bính Thân). Công ty đã liên tục bố trí cán bộ công nhân theo dõi để tìm ra người chặt phá cây. Đến ngày 12/3/2016 Công ty đã phát hiện có 09 người dân do chị Lê Thị M (con dâu ông Đoàn Văn D) thường trú tại bản K tổ chức cuộc hốt, vận chuyển cây giống tập kết dưới chân lô đ2 khoảng 10, TK3 để trồng. Công ty đã cử cán bộ công nhân viên đến tuyên truyền giải thích và ngăn cản việc làm trái pháp luật của chị M đồng thời báo cáo bằng văn bản cho UBND xã C1 để giải quyết. Ngày 12/3/2016 UBND xã C1 đã cử cán bộ địa chính, công an viên tới hiện trường để giải quyết. Đoàn công tác đã kiểm tra thực địa, lập biên bản yêu cầu chị M dừng việc cuộc hốt và

trồng cây nhưng chị M cố tình không chấp hành. Tiếp những ngày sau đó chị M huy động người cuốc hố và trồng cây trên diện tích 2,15ha (lô đ2 khoảnh 10 TK3 U). Ngày 18/3/2016 và ngày 24/3/2016 UBND xã C1 đã chỉ đạo Hội đồng H1 giải xã C1 mở hội nghị H1 giải giữa lãnh đạo Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y và chị Lê Thị M nhưng cả hai hội nghị chị M không đến nên hội nghị H1 giải không thành. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Tháo dỡ toàn bộ cây đã trồng lấn chiếm đất và trả lại cho Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tại lô đ2 khoảnh 10 TK3 đội U (theo hồ sơ thiết kế dự toán trồng rừng ngày 25/11/2015) mà chị Lê Thị M đã lấn chiếm để trồng cây. Diện tích là 2,15 ha.

2. Bồi thường 2,15 ha rừng gây chồi cho Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y theo đơn giá thiết kế kỹ thuật. Cụ thể $2,15\text{ha} \times 12.626.358\text{đồng} = 27.146.669\text{ đồng}$ (hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Lê Thị M trình bày: Năm 1997 chị kết hôn cùng anh Đoàn Văn H, sinh năm 1977 là con trai của ông Đoàn Văn D. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng ông Đoàn Văn D và bà Vũ Thị N từ đó đến nay. Về nguồn gốc diện tích đất 2.15ha tại lô đ2, khoảnh 10, TK 3 bản K, xã C1: Sau khi kết hôn với anh H gia đình chị tiếp tục trồng ngô, sắn, khoảng một, hai năm sau có dự án trồng rừng Pam của UBND xã C1 trồng được khoảng 8 năm khi này thì ông D có ký hợp đồng với UBND xã C1. Sau khi ký hợp đồng gia đình trồng Bạch đàn sau khoảng vài năm thì khai thác, sau đó gia đình chị tiếp tục trồng Bạch đàn khi này cán bộ Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y ép ký hợp đồng thì ông D có ký hợp đồng đến tháng 6/2015 gia đình chị khai thác bạch đàn trên diện tích đất này và thanh toán đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng giao kết với công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y. Sau khi kết thúc hợp đồng gia đình chị không ký tiếp với công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y do phía công ty lấy sản phẩm sau khi thu hoạch quá cao (hiện nay là $28\text{m}^3/\text{ha}$). Đến tháng 3/2016 gia đình chị trồng khoảng 3000 cây keo trên diện tích đất này, khi trồng keo thì Công ty có lên cường chế không cho gia đình trồng. Nay công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chị cho rằng đây là đất của gia đình ông cha để lại, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện:

- Ông Đoàn Văn D khai: Ông là bố chồng của chị Lê Thị M là bố đẻ anh Đoàn Văn H, năm 1997 chị M, anh H kết hôn ở với vợ chồng ông từ đó đến nay. Về nguồn gốc đất 2,15ha tại lô đ2 khoảnh 10 tại bản K: Vào năm 1985 gia đình ông từ Bắc Ninh lên bản K lập nghiệp, sau khi lên một thời gian thì vợ chồng ông cùng nhau khai hoang diện tích đất trồng cây ngô, sắn. Đến khoảng năm 1998 thì

có dự án trồng rừng Pam của UBND xã C1 thì ông có ký hợp đồng trồng Bạch đàn xen keo với Lâm trường Y, thời hạn ký hợp đồng là 08 năm thì được khai thác nhưng đến khoảng năm 2003 gia đình xin khai thác gỗ thanh lý hợp đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng xong, ông lại ký với Công ty Lâm nghiệp hợp đồng đến tháng 6/2015 gia đình ông khai thác bạch đàn trên diện tích đất này, đồng thời thanh toán đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng giao kết với công ty. Từ năm 1997 ông đã giao lại toàn bộ việc khai thác và sử dụng diện tích đất rừng trên cho vợ chồng anh H chị M, ông chỉ đứng ra ký hợp đồng với Công ty. Sau khi thanh lý hợp đồng vào tháng 6/2015 ông không ký thêm bất kỳ hợp đồng nào với Công ty, hiện tại diện tích đất này đang do con trai và con dâu ông trồng khoảng 3000 cây keo vào tháng 3 năm 2016. Khi vợ chồng anh H, chị M trồng rừng thì phía Công ty yêu cầu gia đình ông phải ký hợp đồng với công ty nhưng gia đình không ký vì Công ty thu sản phẩm quá cao, Công ty cho người lên không cho gia đình ông tiếp tục trồng cây nhưng do đây là đất của ông khai hoang, nên ông để cho chị M tiếp tục trồng cây. Nay Công ty yêu cầu chị M trả lại diện tích đất 2,15 ha ông không đồng ý vì đây là diện tích đất ông khai hoang.

- Bà Vũ Thị N khai: Bà là mẹ chồng của chị Lê Thị M là mẹ đẻ anh Đoàn Văn H, năm 1997 chị M, anh H kết hôn ở với vợ chồng bà từ đó đến nay. Về nguồn gốc đất 2,15ha tại lô đ2 khoảnh 10 tại bản K: Vào năm 1985 gia đình bà từ Bắc Ninh lên bản K lập nghiệp, sau khi lên một thời gian thì vợ chồng cùng nhau khai hoang diện tích đất trồng cây ngô, sắn. Đến khoảng năm 1998 thì có dự án trồng rừng Pam của UBND xã C1 thì ông D có ký hợp đồng trồng Bạch đàn xen keo với Lâm trường Y, thời hạn ký hợp đồng là 08 năm nhưng đến khoảng năm 2003 gia đình xin khai thác gỗ thanh lý hợp đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng xong, ông D lại ký với Công ty Lâm nghiệp hợp đồng đến tháng 6/2015 gia đình bà khai thác bạch đàn trên diện tích đất này, đồng thời thanh toán đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng giao kết với công ty. Từ năm 1997 bà đã giao lại toàn bộ việc khai thác và sử dụng diện tích đất rừng trên cho vợ chồng anh H chị M, ông D chỉ đứng ra ký hợp đồng với Công ty. Sau khi thanh lý hợp đồng vào tháng 6/2015 ông D không ký thêm bất kỳ hợp đồng nào với Công ty, hiện tại diện tích đất này đang do chị M trồng khoảng 3000 cây keo vào tháng 3 năm 2016. Khi vợ chồng anh H, chị M trồng rừng thì phía Công ty yêu cầu phải ký hợp đồng với công ty nhưng gia đình không ký vì Công ty thu sản phẩm quá cao, Công ty cho người lên không cho gia đình tiếp tục trồng cây nhưng do đây là đất của vợ chồng bà khai hoang, nên để cho chị M tiếp tục trồng cây. Nay Công ty yêu cầu chị M trả lại diện tích đất 2,15 ha bà không đồng ý vì đây là diện tích vợ chồng bà khai hoang.

Đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bắc Giang: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y tiền thân là Lâm trường T3, trong quá trình hoạt động mặc dù đã trải qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động nhưng việc quản lý, sử dụng đất và kinh doanh lâm nghiệp của Công ty TNHH một

thành viên Lâm nghiệp Y đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng diễn ra liên tục từ trước đến nay, cụ thể:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập lâm trường T3 (trên cơ sở hợp nhất Hạt Lâm nghiệp Y và Xí nghiệp Lâm nghiệp 2x) trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành quyết định số 745/CT về việc giao đất cho Lâm trường Quốc doanh Y để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha); ngày 07/9/1995 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm trường Y trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha; ngày 26/6/2002 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 1330/CT tổng số diện tích đất lâm trường quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha); đất phi nông nghiệp 11,3ha). Diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha.

Ngày 06/12/2006 UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Y thành Công ty Lâm nghiệp Y thuê 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026 ha trong đó diện tích Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha; Ngày 08/4/2010 UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của công ty Lâm nghiệp Y với diện tích thu hồi là 811,5ha bàn giao địa phương quản lý. Diện tích đất còn lại Công ty quản lý là 2.485,5ha.

Thực hiện Công văn số 4043/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 01/11/2011 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc hướng dẫn xác định cắm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh giới đất nông, lâm trường quốc doanh, kết quả đo đạc xác định công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y đang thực tế quản lý, sử dụng 2.341ha (*trong đó có diện tích 2,15ha lô đ2, khoảnh 10 - Đội lâm nghiệp U thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 của xã C1 với diện tích 574.118,4m²*) và diện tích 246,8ha sau khi rà soát sẽ thực hiện bàn giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch pháp luật đất đai.

Sau khi đo đạc xong, Công ty đã tiến hành thiết lập hồ sơ để chuyển giao từ giao đất sang thuê đất trên diện tích là 1837,6ha của 96 thửa đất tọa lạc 10 xã thị trấn thuộc huyện Y trong tổng 2.341ha đang thực tế quản lý sử dụng, tại Quyết định 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang. Công ty chưa hoàn thiện hồ sơ để chuyển từ giao đất sang thuê đất đối với phần diện tích còn lại khoảng 503ha (xã C1 480ha và xã Tam Hiệp 22,38ha) do liên quan đến tranh chấp

của một số hộ dân (trong đó có diện tích 2,15ha lô đ2, khoảnh 10 - Đội lâm nghiệp U thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 của xã C1 với diện tích 574.118,4m²).

Mặc dù qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý và thu hồi đất bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng và thực hiện việc giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, phần diện tích đất tranh chấp với chị Lê Thị M ở lô đ2 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp U (theo thiết kế trồng rừng năm 2015) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5 của xã C1 thuộc quyền quản lý sử dụng của công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

UBND xã C1: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y trước đây là Lâm trường Y, đối với diện tích đất 2,15ha đang tranh chấp với chị Lê Thị M hiện nay: Lâm trường quản lý đất từ năm 1963 cho đến nay những năm 1963 thì là rừng nguyên sinh chưa được khai thác đến những năm 1978 thì lâm trường cho công nhân bắt đầu khai thác gỗ, con đường vào bản K hiện nay là do Lâm trường mở để vào khai thác gỗ. Đến năm 1985 gia đình ông D bà N từ Bắc Ninh di cư lên sinh sống, ông D bà N có hộ khẩu KT3 không được giao đất tại thời điểm này, ông D, bà N khai phá diện tích đất sau nhà ông D ở hiện nay để trồng ngô, sắn; Diện tích đất tranh chấp hiện nay sau khi lâm trường khai thác gỗ xong đến năm 1998 thì ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với ông D.

UBND huyện Y: Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y tiền thân là Lâm trường T3, Lâm trường Y, Công ty Lâm nghiệp Y trong quá trình hoạt động mặc dù trải qua nhiều lần sắp xếp, đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động nhưng việc quản lý sử dụng đất của công ty đối với diện tích đất được giao vẫn thường xuyên liên tục và được thể hiện trong các hồ sơ quản lý, sử dụng đất (như các QĐ của UBND tỉnh về giao đất, phê duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, phương án chuyển đổi cho Công ty và hệ thống bản đồ, hồ sơ thiết kế trồng rừng, hợp đồng giao khoán của Công ty với các hộ gia đình, cá nhân.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 192, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai; Điều 501, Điều 511 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lê Thị M và anh Đoàn Văn H1 (Hóa) phải khai thác toàn bộ 3655 cây keo trên đất trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y 2,15ha tại lô đ2 khoảnh 10 Đội

lâm nghiệp U thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ 05 xã C1, diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Nam: Tiếp giáp đất ông Lê Văn Đ1, Lý Thị T4 chiều dài 84,47m + 28,16m + 97,51m + 33,33m

Phía Tây: Giáp đường đất chiều dài 45,24m + 64,34m

Phía Bắc: Giáp gia đình chị Lê Thị M chiều dài 19,75m + 27,89m + 15,74m + 15,98m + 19,73m + 10,77m + 47,33m + 24,21m + 30,73m + 22,68m + 12,34m + 21,81m.

Phía Đông giáp đất của Công ty lâm nghiệp đang giao khoán cho bà Nguyễn Thị Q1 chiều dài 22,62m + 31,49m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại rừng gây chồi tại lô đ2 khoảng 10 trỉ giá 27.146.669đ

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị M, trả lại Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y số tiền án phí đã nộp là 2.170.0000đ, tại biên lai thu số AA/2014/0003842 ngày 27/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Về tiền chi phí thẩm định, định giá: Chị M phải chịu 2.000.000đ tiền chi phí định giá và thẩm định, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y được nhận lại số tiền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/11/2018, chị Lê Thị M là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y (nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y) là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và chị Lê Thị M không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Chị Lê Thị M do bà C2 đại diện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y trình bày: Giữ nguyên quan điểm, Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị M.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Theo công văn số 63/CV-HĐTV ngày 04/4/2019 của Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y về việc chuyển đổi tên công ty gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thì thực hiện phương án sắp xếp chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y sang Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Ngày 19/02/2019, Công ty đã hoàn thành đăng ký doanh nghiệp theo tên mới là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn D, bà Vũ Thị N, ông Nguyễn Văn G1 đại diện cho anh H theo ủy quyền, UBND xã C1, huyện Y, UBND huyện Y, UBND tỉnh Bắc Giang đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D, bà N, ông G1, UBND xã C1, huyện Y, Ủy ban nhân dân huyện Y, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[3]. Xét đơn kháng cáo của chị Lê Thị M thì thấy:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập lâm trường T3 giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành quyết định số 745/CT về việc giao đất cho Lâm trường Quốc doanh Y 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trồng đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha); ngày 07/9/1995 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm trường Y trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha; ngày 26/6/2002 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 1330/CT tổng số diện tích đất lâm trường quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (*đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha*); *đất phi nông nghiệp 11,3ha*). Diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha. Ngày 06/12/2006 UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Y thành Công ty Lâm nghiệp Y thuê 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha; Ngày 08/4/2010 UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của công ty Lâm nghiệp Y với diện tích thu hồi là 811,5ha bàn giao địa phương quản lý. Diện tích đất còn lại Công ty quản lý là 2.485,5ha.

Thực hiện Công văn số 4043/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 01/11/2011 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc hướng dẫn xác định cấm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh giới đất nông, lâm trường quốc doanh. Kết quả đo đạc xác định công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y đang thực tế quản lý, sử dụng 2.341ha (trong đó có

diện tích 2,15ha lô đ2, khoảnh 10 - Đội lâm nghiệp U thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 của xã C1 với diện tích 574.118,4m²)

Thực hiện chủ trương giao khoán đất cho các hộ dân, từ năm 1998 Công ty đã ký hợp đồng giao khoán với ông Đoàn Văn D, ngày 01/01/1998 Công ty ký hợp đồng khoán theo chu kỳ với ông Đoàn Văn D tại lô c khoảnh 4 diện tích 2,5ha, thời hạn hợp đồng 10 và được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang phê duyệt thiết kế dự toán trồng, chăm sóc rừng trồng kinh tế năm 1998 tại Quyết định 590/LN ngày 16/8/1998, đến ngày 08/9/2003 hai bên thanh lý hợp đồng. Ngày 25/01/2004 ông Đoàn Văn D tiếp tục có đơn xin nhận khoán và đến ngày 01/4/2004 giữa ông Đoàn Văn D và Lâm trường Y ký hợp đồng liên doanh trồng rừng kinh tế với nội dung Lâm trường Y giao khoán cho ông D diện tích đất 1,9ha tại lô d, khoảnh 4 Đội lâm nghiệp U, thời hạn hợp đồng là 08 năm, ngày 22/8/2008 hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 21/8/2008 ông Đoàn Văn D có “Đơn xin giao đất trồng rừng” tại lô d khoảnh 10 đội U, diện tích 1,6ha cùng ngày giữa công ty Lâm Nghiệp Y và ông D ký Hợp đồng khoán chu kỳ số 40/2009/HD với nội dung ông D nhận khoán đất trồng rừng tại lô d khoảnh 10 đội U, diện tích 1,6ha, thời gian thực hiện 08 năm. Đến năm 2015 ông D có đơn xin thanh lý hợp đồng đến ngày 24/7/2015 hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Hiện nay diện tích tranh chấp này là lô đ2, khoảnh 10, sự khác biệt về số lô do là do thiết kế trồng rừng các năm khác nhau sẽ được đánh số lô lại dẫn đến khác nhau về số lô giữa các hợp đồng trong quá trình ông D ký với Công ty Lâm nghiệp.

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định được vị trí và diện tích đất tranh chấp là 2,15ha như sau:

Phía Nam: Tiếp giáp đất ông Lê Văn Đ1, Lý Thị T4 chiều dài 84,47m + 28,16m + 97,51m + 33,33m

Phía Tây: Giáp đường đất chiều dài 45,24m + 64,34m

Phía Bắc: giáp gia đình chị Lê Thị M chiều dài 19,75m + 27,89m + 15,74m + 15,98m + 19,73m + 10,77m + 47,33m + 24,21m + 30,73m + 22,68m + 12,34m + 21,81m.

Phía Đông giáp đất của Công ty lâm nghiệp đang giao khoán cho bà Nguyễn Thị Q1 chiều dài 22,62m + 31,49m.

Trị giá 2,15ha = $21.500\text{m}^2 \times 7.000\text{đ}/\text{m}^2 = 150.500.000$ đồng.

Trên đất có 3655 cây keo trị giá 62.635.000 đồng.

Diện tích đất tăng lên hiện nay so với Hợp đồng giao khoán, phía nguyên đơn cho rằng khi ký hợp đồng giao khoán với ông D để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân Công ty có tính trừ đi những phần khó canh tác như khu vực có đá... do đó diện tích ký trong hợp đồng so với thực tế diện tích đất ông D sử dụng nhỏ hơn. Chị M khẳng định diện tích chị đang trồng cây và tranh chấp với công ty hiện nay vẫn là diện tích đất ông D ký giao khoán từ năm 1998 đến nay, trong quá trình sử

dụng không có sự lấn chiếm với các hộ liền kề do vậy xác định diện tích đất tranh chấp hiện nay là 2,15ha..

Từ những căn cứ nêu trên Tòa án thấy rằng qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý và thu hồi đất bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng và thực hiện việc giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, phần diện tích đất tranh chấp với chị Lê Thị M ở lô đ2 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp U (theo thiết kế trồng rừng năm 2015) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5 của xã C1 thuộc quyền quản lý sử dụng của công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, ông D đã làm “*Đơn xin giao đất trồng rừng*” đề nghị được ký hợp đồng giao khoán với Công ty và đã ký liên tiếp 03 hợp đồng từ năm 1998 đến năm 2015 với Công ty.

Đối với số cây trồng trên đất: Năm 2009 ông D ký hợp đồng giao khoán với Công ty lâm Nghiệp, năm 2015 hai bên thanh lý hợp đồng khi kết thúc hợp đồng mặc dù đã được phía Công ty thông báo và đề nghị gia đình chị M ký tiếp hợp đồng với Công ty nhưng chị M không ký. Ngày 12/3/2016 khi chị M trồng cây trên diện tích đất này phía công ty và địa phương đã yêu cầu chị M không trồng nhưng chị M vẫn tiếp tục trồng do đó việc chị M lấn chiếm đất và trồng cây là trái phép nên yêu cầu của Công ty buộc chị M phải khai thác di dời cây trên đất trả lại đất cho Công ty là có căn cứ.

Về nguồn gốc đất tranh chấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Công ty lâm nghiệp Y quản lý, sử dụng theo các Quyết định số 709/TCCB ngày 13/8/1963 của UBHC tỉnh Hà Bắc; Quyết định số 745/CT ngày 07/8/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc; Quyết định số 857/CT của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 1945/QĐ- UBND ngày 06/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; quyết định số 25/QĐ- UBND ngày 08/4/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang. Ngày 21/8/2008 Công ty lâm nghiệp Y có ký hợp đồng giao khoán đất trồng rừng sản xuất với ông Đoàn Văn D là bố chồng chị M. Ông D đã thanh lý hợp đồng với công ty năm 2015. Sau khi ông D thanh lý hợp đồng, chị M đã tự ý huy động người cuốc hố, trồng cây trái phép trên đất của công ty. Kết quả điều tra xác định phần diện tích đất tranh chấp giữa Công ty lâm nghiệp Y với chị M ở lô đ2 khoảnh 10, TK3, Đội lâm nghiệp U thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Y (nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y), đã được cơ quan có thẩm quyền giao, quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là của công ty và buộc chị M, anh Hóa phải khai thác toàn bộ số cây keo, bạch đàn trên đất là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của chị M là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị M thuộc diện người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện khó khăn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 192, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai; Điều 501, Điều 511 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc chị Lê Thị M và anh Đoàn Văn H (H1) phải khai thác toàn bộ 3655 cây keo trên đất trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y (nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y) 2,15ha tại lô đ2 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp U thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ 05 xã C1, diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Nam: Tiếp giáp đất ông Lê Văn Đ1, Lý Thị T4 chiều dài 84,47m + 28,16m + 97,51m + 33,33m

Phía Tây: Giáp đường đất chiều dài 45,24m + 64,34m.

Phía Bắc: Giáp gia đình chị Lê Thị M chiều dài 19,75m + 27,89m + 15,74m + 15,98m + 19,73m + 10,77m + 47,33m + 24,21m + 30,73m + 22,68m + 12,34m + 21,81m.

Phía Đông giáp đất của Công ty lâm nghiệp đang giao khoán cho bà Nguyễn Thị Q1 chiều dài 22,62m + 31,49m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại rừng gây chồi tại lô đ2 khoảnh 10 trị giá 27.146.669 đồng.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị M, trả lại Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y (nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y) số tiền án phí đã nộp là 2.170.000 đồng, tại biên lai thu số AA/2014/0003842 ngày 27/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Về tiền chi phí thẩm định, định giá chị M phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí định giá và thẩm định, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Y (nay là Công ty TNHH hai thành viên Lâm nghiệp Y) được nhận lại số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã kí)

Bạch Đăng Thi